TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do Hạnh phúc**
Số: **02**/2023/QĐST-DS	*Kbang, ngày 12 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 212 và 213; Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147; các Điều 155, 157, 158, 163, 165 và 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 207, 210, 213, 218, 357, 609, 610, 611, 612, 613,614, 623 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04/4/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 06/3/2023;

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Làng Đồng Tâm, xã T, huyện K, tỉnh G.
-*Bị đơn*: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Làng Đồng Tâm, xã T, huyện K, tỉnh G.
-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Anh Nông Hoàng L, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Làng Đồng Tâm, xã T, huyện K, tỉnh G.
Ông Nông Văn T, sinh năm 1952 và bà Hứa Thị T, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Phố Nà Lộc, thị trấn V, huyện V, tỉnh L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn Đ, anh Đ cùng bị đơn bà Lý Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Hoàng L tự nguyện thỏa thuận như sau:

a. Về xác định di sản thừa kế của ông Nông Văn V, sinh năm 1972, chết ngày 27/12/2021 để lại là ½ khối tài sản chung của ông Vương và bà Lý Thị Đồng *(ông V và bà Đ đã ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2021 của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai)*, bao gồm:

- 400m^2 đất ở nông thôn tại làng Đồng Tâm (trước là bản 6), xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 52b, tờ bản đồ số 47 đã được Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 457933 ngày 14/6/2007 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trên đất có 01 ngôi nhà gỗ tạm; trị giá của nhà và quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 40.000.000 đồng.

- 380m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 732, tờ bản đồ số 38 đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348368 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 4.940.000 đồng.

- 873m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ42-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348342 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 11.349.000 đồng.

- 323m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ41-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348343 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 4.199.000 đồng.

- 6.934m^2 đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ38-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348341 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 45.071.000 đồng.

- 3.945m^2 đất đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ39-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348344 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 25.642.500 đồng.

- 6.809m^2 đất đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ40-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348345 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 44.258.500 đồng.

b. Do ông V chết không để lại di chúc nên xác định những người được hưởng di sản thừa kế nói trên của ông V theo quy định của pháp luật, gồm:

- Ông Nông Văn T và bà Hứa Thị T (cha mẹ ruột ông V);
- Anh Nông Văn Đại (con ruột ông V);
- Anh Nông Hoàng Lộc (con ruột ông V);

c. Do ngày 25/3/2022, ông Nông Văn T và bà Hứa Thị T đã có văn bản từ chối nhận di sản do ông V để lại có chứng thực của UBND thị trấn Văn Q, huyện Văn Q, tỉnh L nên hàng thừa kế thứ nhất còn lại, gồm: anh Nông Văn Đ và anh Nông Hoàng L. Vì vậy, công nhận nội dung thỏa thuận của anh Đ, bà Đ và anh L về việc anh Đ và

anh L tự nguyện tặng cho toàn bộ di sản thừa kế của ông V để lại mà hai anh được hưởng cho bà Đ. Theo đó, bà Đ được công nhận quyền sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ các tài sản sau:

- 400m^2 đất ở nông thôn tại làng Đồng Tâm (trước là bản 6), xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 52b, tờ bản đồ số 47 đã được Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 457933 ngày 14/6/2007 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trên đất có 01 ngôi nhà gỗ tạm; trị giá của nhà và quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 40.000.000 đồng.

- 380m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 732, tờ bản đồ số 38 đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348368 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 4.940.000 đồng.

- 873m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ42-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348342 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 11.349.000 đồng.

- 323m^2 đất nông nghiệp trồng lúa nước tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ41-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348343 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 4.199.000 đồng.

- 6.934m^2 đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ38-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348341 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 45.071.000 đồng.

- 3.945m^2 đất đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ39-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348344 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 25.642.500 đồng.

- 6.809m^2 đất đất trồng cây hàng năm tại làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ40-2017, đã được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 348345 ngày 27/7/2017 cho ông Nông Văn Vương và bà Lý Thị Đồng, trị giá quyền sử dụng đất đã được Tòa án định giá là 44.258.500 đồng.

Bà Đ có nghĩa vụ hoàn tất thủ tục chuyển quyền để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

d. Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST) và các chi phí khác:

Bà Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 2.193.250 đồng.

Hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003780 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.500.000 đồng, khoản tiền này anh đã nộp đủ.

Anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 3.500.000 đồng, khoản tiền này anh đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai**;**
-VKS huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nguyên

Bà Tuyến và ông Hùng, bà Thuyết, chị Huyền cùng bà Đào tự nguyện thỏa thuận nếu ông Hùng, bà Thuyết và chị Huyền không trả được số tiền nợ 109.400.000 đồng cho bà Tuyến thì bà Đào sẽ có trách nhiệm phải trả nợ thay theo nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết *(do ông Luận chồng bà Đào không liên quan trong*

vụ kiện này nên bà Tuyến đã rút phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Luận; vì vậy, Tòa án không xem xét đến nữa).